Chi tiết mã HS 8902

Mã HS	8902
Mô tả hàng hóa	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt
Đơn vị	
Thời điểm tạo	08/11/2026 11:26:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/8902/

14 dòng thuế thuộc 8902

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8902.00.31	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Tàu thuyền đánh bắt thủy sản: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) không quá 26	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.32	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Tàu thuyền đánh bắt thủy sản: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 26 nhưng dưới 40	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.33	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Tàu thuyền đánh bắt thủy sản: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) từ 40 trở lên nhưng không quá 101	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.34	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Tàu thuyền đánh bắt thủy sản: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 101 nhưng không quá 250	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.35	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Tàu thuyền đánh bắt thủy sản: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 250 nhưng không quá 1.000	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.36	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Tàu thuyền đánh bắt thủy sản: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 1.000 nhưng không quá 4.000	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.37	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Tàu thuyền đánh bắt thủy sản: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 4.000	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.41	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Loại khác: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) không quá 26	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8902.00.42	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Loại khác: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 26 nhưng dưới 40	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.43	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Loại khác: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) từ 40 trở lên nhưng không quá 101	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.44	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Loại khác: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 101 nhưng không quá 250	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.45	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Loại khác: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 250 nhưng không quá 1.000	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.46	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Loại khác: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 1.000 nhưng không quá 4.000	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8902.00.47	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt / - Loại khác: / - - Tổng dung tích (gross tonnage) trên 4.000	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.